

BẢNG THEO DÕI BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP TRONG THỰC HIỆN TTHC, CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG THEO
QUYẾT ĐỊNH SỐ 766/QĐ-TTG

Tuần 50 Tháng 12/2024

STT	Tên Cơ quan	Số hoá tái sử dụng lại	Công bố vào thứ 2 hàng tuần								
			Số hoá Hồ sơ (Chứng thực diện tử), tỷ lệ quy định từ 100%	Thanh toán trực tuyến, tỷ lệ quy định 50%	Chỉ tiêu dịch vụ công trực tuyến, tỷ lệ quy định 50%	Chỉ tiêu mức độ hài lòng tỷ lệ quy định 100%	Chỉ tiêu Tiến độ giải quyết, Tỷ lệ quy định 90- 100%	Chỉ tiêu Công khai minh bạch, tỷ lệ quy định 80%-90%	Chỉ tiêu Tổng hợp 16/12/202 4	Tăng giảm so với tuần trước	Chỉ tiêu Tổng hợp 09/12//202 4
	Xã, thị trấn		Nhóm V	Nhóm III	Nhóm III	Nhóm IV	Nhóm II	Nhóm I			
1	UBND xã Thoại Giang	137	96,80%	51,16%	95,90%	100%	99,42%	100%	92,19	13,02	79,17
2	UBND xã Vĩnh Trạch	49	94,20%	67,10%	97,6%	100%	100,00%	100%	91,73	9,05	82,68
3	UBND xã Vọng Đông	91	94,90%	55,71%	94,10%	100%	100,00%	100%	91,56	10,1	81,46
4	UBND xã An Bình	477	95,60%	63,02%	93,3%	100%	98,81%	100%	91,43	7,8	83,63
5	UBND TT Phú Hòa	83	93,10%	63,25%	90,20%	100%	99,25%	100%	91,28	21,71	69,57
6	UBND xã Bình Thành	105	92,60%	54,10%	98,20%	100%	98,28%	100%	91,17	9,37	81,8
7	UBND xã Vĩnh Khánh	2	91,10%	51,47%	100,0%	100%	100,00%	100%	91,17	16,42	74,75
8	UBND xã Mỹ Phú Đông	23	89,80%	59,26%	97,20%	100%	100,00%	100%	91,15	11,63	79,52
9	UBND xã Phú Thuận	148	92,80%	57,35%	98,00%	100%	99,75%	100%	91	9,2	81,8
10	UBND xã Vĩnh Phú	279	91,90%	42,25%	97,30%	100%	98,90%	100%	90,99	9,17	81,82
11	UBND TT Ốc Eo	4	87,90%	65,04%	96,80%	100%	100,00%	100%	90,28	16,65	73,63
12	UBND TT Núi Sập	0	88,70%	65,85%	96,3%	100%	100,00%	100%	90,15	8,99	81,16
13	UBND xã Vĩnh Chánh	50	93,40%	79,90%	99,5%	100%	100,00%	77%	88,11	6,52	81,59
14	UBND xã Định Thành	0	89,30%	66,92%	99,00%	100%	98,06%	89%	88,07	9,5	78,57
15	UBND xã Định Mỹ	10	91,00%	60,33%	99,20%	100%	100,00%	79,6%	87,21	11,17	76,04
16	UBND xã Vọng Thê	125	76,30%	64,08%	96,90%	100%	99,65%	100%	86,87	11,5	75,37
17	UBND xã Tây Phú	55	93,10%	17,08%	97,30%	100%	95,87%	92%	84,46	17,27	67,19
Toàn huyện đạt		1.638	88,40%	44,32%	89,60%	100%	99,13%	100	90,64	9,62	81,02
Tăng giảm so với Tuần trước		693	8,9	43,2	9,2	0	5,37	0	9,62		